

Trường THCS Lý Thường Kiệt
Tổ: Văn – LS&DL - GDCD

Họ và tên GV: Hoàng Văn Toán
Lớp dạy: 9A1,2,3

BÀI 1: THẾ GIỚI KÌ ẢO

Môn: Ngữ văn 9; Số tiết: 12 tiết (Từ tiết 01 ->12)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để đọc hiểu văn bản văn học.
- Nhận biết được điển tích, điển cố và phân tích được tác dụng của chúng; nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ nhầm lẫn.
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.
- Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự.
- Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

TUẦN: 01

TIẾT PPCT: 1, 2, 3

ĐỌC VĂN BẢN

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG **(Nam Xương nữ tử truyện)**

Nguyễn Dữ

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh biết vận dụng kiến thức ở phần *Tri thức ngữ văn* để nhận biết và phân tích các yếu tố của truyện truyền kì (không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện, ngôn ngữ) trong văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* và nêu được nội dung chủ đề của văn bản.
- Học sinh biết kết nối văn bản với thực tế đời sống và trải nghiệm cá nhân, từ đó bồi đắp lòng nhân ái, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo):
Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Trung thực trong các mối quan hệ ứng xử; yêu quý, trân trọng những con

người có phẩm chất tốt đẹp.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của giáo viên: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 9 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Giúp cho HS có tâm thế khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên đặt cho học sinh những câu hỏi gợi mở vấn đề; phương pháp đàm thoại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS qua phần chia sẻ câu chuyện cá nhân và trước lớp.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Chiếu cho HS xem video về vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=zBzHpQtD6NA</p> <p>GV2: Sau khi xem xong video, em có suy nghĩ gì về vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến?</p> <p>GV3: Em có ấn tượng sâu sắc với tác phẩm nào viết về người phụ nữ? Hãy chia sẻ ấn tượng đó của em.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS xem Video xong sau đó gợi mở, dẫn dắt học sinh trả lời câu hỏi, hỏi đáp 1-1; hỗ trợ cho những HS cần sự trợ giúp trong học tập.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS chia sẻ những suy nghĩ, những trải nghiệm của bản thân để cảm nhận được vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV lắng nghe từ những câu chuyện chia sẻ của HS từ đó GV dẫn dắt vào bài học mới.</p>	<p>→ Vị thế của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến: Không được coi trọng, bị phân biệt, bị đối xử thiếu công bằng. Cả cuộc đời của họ vẫn mãi bị trói buộc bởi đạo tam tòng: “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử” (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con).</p> <p>→ Ấn tượng sâu sắc về các tác phẩm viết về người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện Kiều của Nguyễn Du - Chinh phụ ngâm khúc của Đặng Trần Côn - Chùm thơ Nôm của Hồ Xuân Hương (“Bánh trôi nước”, “Lấy chồng chung”, “Tự tình”,...). - Cung oán ngâm của Nguyễn Gia Thiều <p>→ Chia sẻ ấn tượng sâu sắc tác phẩm yêu thích viết về người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.</p> <p>Giới thiệu vào bài học: Viết về đề tài người phụ nữ trong xã hội phong kiến có rất nhiều tác giả với nhiều góc nhìn cũng như cách tiếp cận khác nhau. Điềm giao</p>

<p><i>(GV ghi tên bài học lên bảng)</i></p>	<p>nhau giữa các tác phẩm đó chính là số phận hẩm hiu, nỗi buồn man mác của những con người thấp cổ bé họng, bị coi như những công cụ, những món đồ trao đổi ngược xuôi và kết cục buồn thảm của cảnh đời bất hạnh. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về một tác phẩm, một số phận của người phụ nữ phong kiến dưới ngòi bút của tác giả Nguyễn Dữ văn bản: Chuyện người con gái Nam Xương.</p>
---	---

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc tiếp xúc văn bản

- a. Mục tiêu:** Học sinh có kỹ năng đọc văn bản truyện, tóm tắt văn bản và cần nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. Nội dung:** Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại. HS sử dụng SGK chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến chủ đề **Thế giới kì ảo**.
- c. Sản phẩm học tập:** Các câu trả lời của học sinh, phiếu học tập và bảng đánh giá.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản, giọng đọc chân thành, xót xa, chú ý tốc độ đọc vừa phải phù hợp với ngôn ngữ của người kể chuyện ngôi thứ 3. Khi đọc sử dụng các chiến lược: <i>theo dõi, dự đoán, đối chiếu và suy luận</i>. GV đọc mẫu thành tiếng phần 1 từ đầu -> <i>đối với cha mẹ để mình</i> sau đó yêu cầu HS đọc thành tiếng từng phần còn lại cho đến hết văn bản. GV cho HS đọc các từ ngữ khó dưới chân trang SGK (<i>trang 10 ->15</i>) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV đọc mẫu thành tiếng phần 1, sau đó gọi 2 HS đọc hết 2 phần còn lại của văn bản. GV cho HS đọc các từ ngữ khó dưới chân</p>	<p>I. Đọc tiếp xúc văn bản 1. Đọc văn bản</p>

<p>trang SGK (trang 10 ->15) để tìm hiểu những từ ngữ khó và những từ ngữ điển tích, điển cố.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV đọc mẫu phần 1, HS đọc 2 phần còn lại của văn bản. GV gọi 1 ->2 HS nhận xét giọng đọc của bạn. GV gọi 1 -> 2 HS đọc các từ ngữ khó dưới chân trang SGK (trang 10 ->15) để tìm hiểu những từ ngữ khó và những từ ngữ điển tích, điển cố.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung phần đọc của HS.</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc phần giới thiệu về tác giả Nguyễn Dữ (SGK trang 16) GV1: Em hãy nêu hiểu biết của mình về tác giả, tác phẩm của Nguyễn Dữ? GV2: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản và đã đọc tìm hiểu ở nhà em hãy tóm tắt cốt truyện của văn bản <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 1 HS đọc phần giới thiệu tác giả Nguyễn Dữ. GV cho HS suy nghĩ và trả lời CH 1 và CH 2: Tóm tắt cốt truyện của văn bản, làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung tóm tắt cốt truyện văn bản (Thời gian từ 3 -> 4 phút). GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời về tác giả Nguyễn Dữ. GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của bạn. GV gọi 1 -> 2 HS tóm tắt cốt truyện của văn bản. GV gọi 1 -> 2 HS bất kì nhận xét, bổ sung</p>	<p>→HS lưu ý: Khi đọc thẻ chỉ dẫn <i>theo dõi ở</i> (trang 10) các chi tiết: giới thiệu về nhân vật Vũ Thị Thiết và Trương Sinh. Còn các chỉ dẫn <i>dự đoán</i> (trang 11) và <i>đối chiếu</i> (trang 13) hướng HS vào việc dự đoán kết cục của cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sau đó đối chiếu để kiểm tra kết quả suy đoán của mình.</p> <p>→HS đọc các từ ngữ khó dưới chân trang SGK (trang 10 ->15) để tìm hiểu những từ ngữ khó và những từ ngữ điển tích, điển cố.</p> <p>2. Tác giả, tác phẩm</p> <p>→Tác giả: Nguyễn Dữ (? - ?) quê ở Hải Dương, sống ở thế kỉ XVI (thời Lê – Mạc), từng đỗ cử nhân, làm quan một thời gian ngắn rồi về quê ẩn dật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Dữ có đóng góp quan trọng ở thể loại truyện truyền kì. - Truyện kì mạn lục là tác phẩm tiêu biểu nhất của Nguyễn Dữ, viết bằng chữ Hán, được đánh giá là “thiên cổ kì bút”. <p>→Tác phẩm: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của tập <i>Truyện kì mạn lục</i>.</p> <p>3. Tóm tắt cốt truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vũ Nương là người con gái thủy mị nết na, lấy Trương Sinh (người ít học, có tính đa nghi). - Trương Sinh phải đi lính đánh giặc Chiêm; ở nhà, Vũ Nương sinh con, hết lòng chăm
---	--

<p>cho câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.</p> <p>GV ghi nội dung cốt lõi lên bảng (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p>	<p>sóc mẹ chồng, khi mẹ chồng mất, lo đám tang chu đáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trương Sinh trở về, nghe câu nói của con và nghi ngờ vợ; bị oan nhưng không thể minh oan, Vũ Nương tự tử ở bến Hoàng Giang, nhưng được Linh Phi cứu giúp. - Ở nơi cung nước, Vũ Nương gặp Phan Lang (người cùng làng), Phan Lang khuyên nàng trở về. - Được Linh Phi giúp, Vũ Nương trở về gặp Trương Sinh, từ giữa dòng nói vọng vào mấy lời để chồng thấu nỗi oan của mình rồi dần dần biến mất.
---	--

Hoạt động 2: Đọc chi tiết văn bản

a. Mục tiêu

- Học sinh biết vận dụng kiến thức ở phần *Tri thức ngữ văn* để nhận biết và phân tích các yếu tố của truyện truyền kì (không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện, ngôn ngữ) trong văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* và nêu được nội dung chủ đề của văn bản.

- Học sinh biết kết nối văn bản với thực tế đời sống và trải nghiệm cá nhân, từ đó bồi đắp lòng nhân ái, trân trọng những con người có phẩm chất tốt đẹp.

b. Nội dung: Giáo viên sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, đàm thoại, trực quan, khăn trải bàn, sơ đồ tư duy.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS theo hướng dẫn của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV& HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Nhân vật chính trong văn bản là ai? Được sử dụng ngôi kể nào? Đề tài được nhắc đến trong truyện là gì?</p> <p>GV2: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Chủ đề chính được đề cập đến trong văn bản như thế nào ?</p> <p style="text-align: center;"><i>(GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 1)</i></p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Câu hỏi 1, 2 GV cho HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập số 1 (thời gian khoảng 2 -> 3 phút)</p>	<p>II. Đọc chi tiết văn bản</p> <p>1. Đọc hiểu hình thức</p>

<p>GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS lên trả lời cho câu 1, 2 dựa vào kết quả phiếu học tập số 1.</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Qua phần đọc tiếp xúc văn bản em hãy cho biết truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> có thể được chia làm mấy phần? Nội dung của mỗi phần là gì?</p> <p>(<i>GV cho HS sử dụng phiếu học tập số 2</i>)</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm, hoàn thành phiếu học tập số 2 (Thời gian khoảng 3 -> 4 phút)</p> <p>GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở, nêu vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 1, 3, 5 lên trả lời câu hỏi, dựa vào kết quả phiếu học tập số 2.</p> <p>GV gọi 1 -> 3 HS đại diện cho nhóm 2, 4, 6 nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (<i>HS có thể tìm ý để ghi nội dung cơ bản vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 3</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Ở phần đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật những đặc điểm gì ở nhân vật Vũ Nương và Trương Sinh? Lời người kể chuyện có vai trò như thế nào trong việc khắc họa nhân vật?</p>	<p>→ Nhân vật chính: Vũ Nương</p> <p>- Ngôi kể thứ 3</p> <p>- Đề tài: Người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.</p> <p>→ Phương thức biểu đạt chính là: Tự sự</p> <p>- Chủ đề chính: Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.</p> <p>2. Bố cục văn bản</p> <p>→ Bố cục có thể chia làm: 3 phần</p> <p>+ Phần 1: Từ đầu -> <i>đối với cha mẹ để mình</i> (Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương)</p> <p>+ Phần 2: Tiếp -> <i>nhưng việc trót đã qua rồi!</i> (Nỗi oan bị chồng nghi ngờ và hành động tự trầm của Vũ Nương)</p> <p>+ Phần 3: <i>Còn lại</i> (Vũ Nương được giải oan)</p> <p>3. Đọc hiểu nội dung</p> <p>3.1. Nhân vật Vũ Nương và nguyên nhân dẫn đến bi kịch của nàng</p>
---	--

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn cùng bàn học 1-1 (thời gian khoảng 1 -> 2 phút). GV gọi mở cho học sinh khi cần giải quyết vấn đề.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời cho câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 ->2 HS nhận xét bổ sung nội dung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng (<i>HS có thể chủ động ghi nội vào vở viết</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 4</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV1: Phân tích lời than của nhân vật Vũ Nương trước khi gieo mình xuống sông để làm rõ các khía cạnh: Nỗi đau đớn của nhân vật? Đặc điểm của ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.</p> <p>GV2: Cho biết những nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương? Nguyên nhân nào là chủ yếu?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS thảo luận nhóm, chia lớp làm 6 nhóm; nhóm 1, 3, 5 trả lời câu hỏi 1; nhóm 2, 4, 6 trả lời câu hỏi 2. Thời gian 5 -> 6 phút. GV quan sát học sinh thực hiện, hướng dẫn, có thể gọi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 4 HS đại diện nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi 1; đại diện nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi 2. GV gọi 2 HS đại diện nhóm 5, 6 nhận xét và bổ sung câu trả lời của nhóm bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV sử dụng phiếu học tập để đánh giá. GV ghi nội dung chính lên bảng. (<i>HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết</i>)</p>	<p>→ Những đặc điểm ở nhân vật Vũ Nương và Trương Sinh là: + Vũ Nương: Người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. + Trương Sinh: Con nhà hào phú, nhưng không có học; có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. - Lời người kể chuyện có vai trò quan trọng trong việc khắc họa và làm nổi bật tính cách nhân vật; thấy được tình cảm, thái độ của tác giả với nhân vật.</p> <p>→ Các khía cạnh: + Nỗi đau đớn của nhân vật: Đoan trang, giữ gìn trinh tiết nhưng lại mang nỗi oan lừa dối chồng. Vì vậy gieo mình xuống sông mà chết. + Đặc điểm của ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì sử dụng nhiều điển cố, điển tích. → Nguyên nhân gây ra bi kịch của Vũ Nương: + Lời nói ngây thơ của bé Đản đã vô tình gây nên mối hiểu lầm của Trương Sinh. + Nguyên nhân đáng trách nhất để dẫn đến cái chết oan khuất của Vũ Nương đó là tính cách đa nghi, ít học của Trương Sinh. Khi nghe lời nói ngây thơ của con trẻ, chàng chẳng thèm suy xét đúng sai hay lắng nghe những lời phân trần mà vội vàng kết tội vợ mình. Chính sự hồ đồ, độc đoán, tệ bạc này của</p>
---	--

<p>Nhiệm vụ 5</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Trong tác phẩm, nhân vật Phan Lang được khắc họa ở những không gian, thời gian nào? Nhân vật này có vai trò gì trong truyện?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cặp đôi, trao đổi chia sẻ với bạn ngồi cùng bàn học (thời gian từ 4 -> 5 phút). GV đi hỗ trợ các cặp đôi nếu các em có yêu cầu cần giải đáp thắc mắc.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi để trả lời câu hỏi yêu cầu.</p> <p>GV gọi một vài HS bất kì trong các cặp đôi còn lại để nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (<i>HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân</i>).</p> <p>Nhiệm vụ 6</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV1: Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? Theo em, đoạn kết có màu sắc kì ảo này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>Trương Sinh là nguyên nhân quan trọng nhất đẩy Vũ Nương đến đường cùng không lối thoát. Nếu Trương Sinh là một người tinh táo và biết lắng nghe, suy xét, có lẽ bi kịch này sẽ không xảy ra.</p> <p>+ Do chế độ nam quyền độc đoán, một xã hội mà nam nữ không bình đẳng, hôn nhân không có tình yêu và tự do.</p> <p>+ Do chiến tranh phong kiến phi nghĩa.</p> <p>- Nguyên nhân chủ yếu là: Do tính cách đa nghi, ít học của Trương Sinh.</p> <p>3.2. Vũ Nương trở về trên sông gặp Trương Sinh để giải toả nỗi oan khuất</p> <p>→ Nhân vật Phan Lang được khắc họa ở:</p> <p>+ Không gian: Bến đò Hoàng Giang, gác Triều Dương.</p> <p>+ Thời gian: Cuối đời Khai Đại nhà Hồ.</p> <p>- Nhân vật này có vai trò mở nút thắt trong truyện, giải oan cho Vũ Nương.</p>
---	--

GV cho HS thảo luận cặp đôi (bạn ngồi cùng bàn học). Thời gian 5 -> 6 phút. GV quan sát học sinh thực hiện, hướng dẫn, có thể gợi mở giúp đỡ học sinh để giải quyết tốt nội dung yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 3 HS đại diện các cặp đôi để trả lời câu hỏi yêu cầu (ưu tiên cho tinh thần xung phong các cặp đôi).

GV gọi 3 HS đại diện các cặp đôi khác lên nhận xét và bổ sung câu trả lời của nhóm bạn (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội dung chính lên bảng. (HS có thể tự ghi theo ý hiểu của bản thân vào vở viết)

Nhiệm vụ 7

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV1: Qua phần tìm hiểu tri thức ngữ văn đã được đọc ở nhà em hiểu truyện truyền kì là gì? Diễn tích, diễn cố được xây dựng trên những cơ sở nào trong truyện truyền kì?

GV2: Qua phần đọc hiểu văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* em rút ra được nội dung và nghệ thuật của truyện là gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân đọc lại nội dung trong phần *Tri thức ngữ văn* (SGK tr 9) phần: Khái niệm truyện truyền kì; cốt truyện; nhân vật; không gian, thời gian và diễn tích, diễn cố. Thời gian 5 -> 7 phút.

GV cho HS làm việc cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn trả lời câu hỏi 2. Thời gian 4 -> 5 phút. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, nêu tình huống có vấn đề.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 -> 3 HS nhắc lại các khái niệm SGK tr 9 (học nội dung trong SGK) câu hỏi 1.

GV gọi 2 -> 3 HS đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi 2 (ưu tiên tinh thần xung phong của các cặp đôi)

→ Hình ảnh Vũ Nương hiện về khi Trương Sinh lập đàn giải oan trên bến Hoàng Giang được tác giả miêu tả qua những chi tiết sau:

+ Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng.

+ Theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

- Đoạn kết có màu sắc kì ảo giúp cho chủ đề của tác phẩm mang tính nhân văn sâu sắc.

4. Tổng kết văn bản

4.1. Truyện truyền kì và diễn tích, diễn cố

→ Khái niệm truyện truyền kì; cốt truyện; nhân vật; thời gian, không gian (SGK tr 9).

- Khái niệm diễn tích, diễn cố (SGK tr 9)

4.2. Nội dung: Tác phẩm đã thể hiện giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

- **Giá trị hiện thực:**

+ Phản ánh hiện thực xã hội phong kiến bất công với chế độ nam quyền, chà đạp số phận người phụ nữ (Đại diện là nhân vật Trương Sinh).

+ Phản ánh số phận con người chủ yếu qua số phận của người phụ nữ: chịu nhiều oan khuất và bế tắc, phải tìm đến cái chết để kết thúc bi kịch.

+ Phản ánh xã hội phong kiến với những cuộc chiến tranh phi nghĩa làm cho cuộc sống của người dân rơi vào cảnh bế tắc.

- **Giá trị nhân đạo:**

+ Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam thông qua nhân

<p>GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. GV ghi nội chính lên bảng (<i>HS có thể tự ghi bằng ý hiểu của bản thân</i>).</p>	<p> vật Vũ Nương: thùy mị, nét na, luôn giữ gìn khuôn phép, hết mực thủy chung với chồng.</p> <p>+ Tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu có và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương của tác giả đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ.</p> <p>4.3. Nghệ thuật:</p> <p>+ Xây dựng tình huống truyện độc đáo, đặc biệt là chi tiết chiếc bóng. Chính chi tiết này đã tạo nên tính bất ngờ đồng thời cũng tăng thêm tính bi kịch cho chuyện</p> <p>+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật tài tình, nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc họa đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật.</p> <p>+ Sử dụng yếu tố kỳ ảo làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm.</p>
--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm/cá nhân: Lớp 9 ...

Stt	Yêu cầu	Chi tiết, nội dung	Đánh giá	
			Đ	CĐ
1	Nhân vật chính trong văn bản là ai?			
2	Được sử dụng ngôi kể nào?			
3	Đề tài được nhắc đến trong truyện là gì?		
4	Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?		
5	Chủ đề chính được đề cập đến trong văn bản như thế nào?		

TỔNG CỘNG			
------------------	--	--	--

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Nhóm/cá nhân: Lớp 9 ...

Stt	Yêu cầu	Chi tiết, nội dung	Đánh giá	
			Đ	CD
1	Văn bản được chia làm mấy phần?			
2	Phần 1 từ đầu đến			
	Nội dung phần 1		
3	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần		
4	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần		
5	Phần ... tiếp đến			
	Nội dung phần		
TỔNG CỘNG				

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại nội dung, kỹ năng đọc hiểu văn bản để khái quát được chủ đề của văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

b. Nội dung: Sử dụng phương pháp tổng hợp, gợi mở vấn đề, làm việc cá nhân.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả tìm được khái quát chủ đề văn bản của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Nêu chủ đề của tác phẩm <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> và trình bày suy nghĩ của em về chủ đề đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân, trao đổi với bạn</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>→ Chủ đề: Qua câu chuyện về cuộc đời</p>

<p>ngồi cùng bàn học, (thời gian từ 3 -> 4 phút) GV hỗ trợ, giúp đỡ HS để khơi gợi lại những nội dung có liên quan trong bài học khi có yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS trả lời nội dung câu hỏi yêu cầu. GV gọi 1 vài HS khác nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá tinh thần xung phong của học sinh. GV tuyên dương những học sinh tích cực, khích lệ các em còn chậm cần tự tin, mạnh dạn hơn.</p>	<p>và hành động trẫm mình của Vũ Nương, <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> bày tỏ niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, thể hiện thái độ trân trọng vẻ đẹp của họ, đồng thời phê phán mạnh mẽ xã hội phong kiến với chế độ nam quyền gây ra bi kịch cho người phụ nữ.</p> <p>- Đây là tư tưởng mang đậm tinh thần nhân văn, tiến bộ. Chủ đề tư tưởng ấy được khái quát trên cơ sở nội dung cơ bản, xoay quanh số phận nhân vật chính được miêu tả trong tác phẩm.</p>
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để viết đoạn văn kết nối với đọc.
- b. Nội dung:** GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch hoặc quy nạp...
- c. Sản phẩm học tập:** Viết đoạn văn theo đúng yêu cầu để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trình bày suy nghĩ của em về chi tiết “<i>cái bóng</i>” trong truyện.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS làm việc cá nhân để viết đoạn văn kết nối với đọc, thời gian 7 -> 8 phút. GV đi hỗ trợ HS khi cần thiết.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 2 -> 3 HS lên đọc bài viết đoạn văn theo yêu cầu. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức cho bạn (nếu có).</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá tinh thần xung phong của học sinh. GV có thể dành 8 -> 10 phút cuối tiết học cho HS viết ngắn, thu bài để chấm, làm tư</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>→Gợi ý: Phần này GV cần triển khai một cách linh hoạt: tùy điều kiện thời gian, có thể tổ chức cho HS viết ở lớp hoặc ở nhà.</p> <p>- GV có thể nêu một vài câu hỏi gợi ý, chẳng hạn: <i>Chi tiết “chiếc bóng” có vai trò gì trong diễn biến của câu chuyện? Nó khiến người đọc phải suy nghĩ về những điều gì?</i></p> <p>- GV cũng cần lưu ý HS về dung lượng của đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu), cách tổ chức đoạn văn; việc liên kết giữa các</p>

liệu theo dõi khả năng viết của từng em.

câu, yêu cầu về dùng từ, đặt câu.

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: Thực hành tiếng Việt (SGK Tr 17, 18)

TIẾT PPCT: 04

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐIỂN TÍCH, ĐIỂN CỔ**

I. Mục tiêu

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

- Học sinh hiểu được cách diễn giải khái niệm điển tích, điển cố ở SGK, nhận biết các nguồn điển tích, điển cố thường được sử dụng.

- Học sinh biết cách nhận ra điển tích, điển cố trong các văn bản, biết cách tìm hiểu, tra cứu để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố ở từng trường hợp cụ thể; thấy được tác dụng cũng như giới hạn của việc sử dụng điển tích, điển cố trong văn học.

1.2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo):

Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm. Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

2. Phẩm chất: Chăm chỉ học tập để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Trung thực khi sử dụng từ ngữ, điển tích, điển cố cho đúng ngữ cảnh trong khi đọc, viết văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV: Kế hoạch bài dạy (Giáo án); nội dung trả lời các bài tập; phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp; giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 9 tập 1, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài (SGK trang 17, 18).

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình để bước vào bài học mới.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp, gợi mở.

c. Sản phẩm: HS thực hiện câu trả lời yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Cho HS chơi trò chơi: Nói cụm từ ở cột bên A với cột bên B sao cho phù hợp với ý nghĩa của mỗi cụm từ đó.</p>			
Cột A	Nói	Cột B	
1.Nước hết chuông		A. Nỗi lòng nhớ nhà,	

rên.		nhớ quê.
2. Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam.		B. Thời gian qua nhanh, đời người đã đến lúc kết thúc.
3. Khuynh thành khuynh quốc.		C. Sức mạnh của sắc đẹp ở người phụ nữ.
4. Gót chân A-sin.		D. Điềm yếu chết người của đối tượng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, đội nhóm, chọn 2 đội chơi, mỗi đội từ 6 -> 8 thành viên xếp thành 2 hàng ở 2 bên trên bục giảng. GV phát vấn (hồ 3, 2, 1) điển từng câu 1 và đến kết thúc 4 câu. GV chọn đáp án đúng nhất và nhanh nhất để trao phần thưởng cho 2 đội chơi (điểm số hoặc là tràng pháo tay của cả lớp).

GV nhận xét chung của cả 2 đội chơi và sự cố vũ của các thành viên dưới lớp (nhận xét hay và chưa hay lắm)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV ra khẩu hiệu hô to (3, 2, 1 bắt đầu) cho lần lượt 2 đội cùng với 2 thành viên lên nối cột A với cột B chính xác, khoa học.

GV gọi 1 số thành viên cố động viên lên nhận xét, bổ sung nội dung của bạn (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và giới thiệu vào bài mới

(GV ghi tên bài học lên bảng)

Gợi ý: 1 - B; 2 - A; 3 - C; 4 - D

Giới thiệu vào bài học: Trong văn bản truyện và cuộc sống, người ta thường được nghe kể về các điển tích, điển cố. Vậy điển tích, điển cố là gì? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay thông qua bài học Thực hành tiếng Việt (SGK trang 17, 18).

2. Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề

a. Mục tiêu

- Học sinh hiểu được cách diễn giải khái niệm điển tích, điển cố ở SGK, nhận biết các nguồn điển tích, điển cố thường được sử dụng.

- Học sinh biết cách nhận ra điển tích, điển cố trong các văn bản, biết cách tìm hiểu, tra cứu để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố ở từng trường hợp cụ thể; thấy được tác dụng cũng như giới hạn của việc sử dụng điển tích, điển cố trong văn học.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, gợi mở, dạy học hợp tác, trực quan, giải quyết tình huống có vấn đề.

c. Sản phẩm: Kết quả bài tập của học sinh; dùng phiếu giá trị thành hoạt động thảo luận nhóm để đánh giá hoạt động học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu Bài tập 1 (SGK tr17)</p> <p>Bt 1: Đọc lại các chú thích ở chân trang của văn bản <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> và cho biết những trường hợp sử dụng điển tích, điển cố. Nếu sách giáo khoa không giải thích, em có hiểu được ý nghĩa của các câu văn có sử dụng điển tích, điển cố đó không? Vì sao?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV cho HS đọc yêu cầu Bài tập 1 (SGK tr17). GV cho HS làm việc cá nhân tự đọc thông tin dưới chân trang văn bản <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ sau đó cho HS trao đổi cặp đôi để hoàn thiện BT 1. Thời gian từ 6 -> 7 phút. GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác. GV có thể đi hỗ trợ cho HS các cặp đôi khác khi có yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -> 2 HS đại diện các cặp đôi lên trình bày kết quả thảo luận Bt 1. GV gọi 1 vài HS đại diện các cặp đôi khác lên nhận xét kết quả của bạn (có thể bổ sung cho bạn)</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chốt nội dung theo ý hiểu của bản thân ghi vào vở viết)</p> <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc bài tập 2 SGK trang 17, 18.</p> <p>Bt 2: Đọc các câu văn SGK tr17, 18 và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:</p> <p>a. Cho biết các cụm từ in đậm có đặc điểm gì chung.</p> <p>b. Đọc chú thích để biết nghĩa của các cụm</p>	<p>I. Thực hành tiếng Việt</p> <p>Bài tập 1 (SGK tr 17)</p> <p>→ Những điển tích, điển cố được sử dụng trong <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>: mùa dưa chín quá kì; nước hết chuông rền; ngô liễu tường hoa; núi Vọng Phu; ngọc Mị Nương; cỏ Ngu mỹ; Tào Nga; Tinh Vệ; ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam; quãng thoi dừng dây, tuy mẹ bậc đại hiền cũng phải phân vân; mát búa đổ ngờ; ý dĩ đầy xe, Quang Võ đổ ngờ lão tướng; trói lại mà giết, Tào Tháo đến phụ ân nhân.</p> <p>- Tại vì: điển tích, điển cố có nguồn gốc từ nền văn hoá, văn học xưa, các tác giả Việt Nam chủ yếu mượn từ văn học Trung Quốc. Mặc dù trong văn bản, điển tích, điển cố chỉ là từ ngữ, nhưng đằng sau đó là những câu chuyện, lời thơ, kinh sách,... khá xa lạ với người đọc ngày nay.</p> <p>Bài tập 2 (SGK Tr 17, 18)</p> <p>a. Cụm từ in đậm trong các câu đều ẩn chứa câu chuyện, sự tích nào đó. Tuy nhiên, ý nghĩa sâu xa của từng câu chuyện, sự tích thì không phải ai cũng biết. Muốn biết, phải xem chú giải hay tìm tài liệu để tra cứu.</p> <p>b. Nghĩa của các cụm từ in đậm ở chú thích trong (SGK tr. 12, 14). Cụ thể:</p>

từ in đậm trong các câu trên.

c. Nêu tác dụng của việc sử dụng những cụm từ đó trong ngữ cảnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc theo cặp đôi với bạn ngồi cùng bàn học, trao đổi chia sẻ nội dung yêu cầu, thời gian từ 8 -> 10 phút.

GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, hỗ trợ cho những HS cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV gọi 4 -> 6 HS trả lời yêu cầu bài tập 2 (câu a, b, c).

GV gọi 4 -> 6 HS lên nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu có): câu a, b, c.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV chốt lại kiến thức ghi lên bảng (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài).

- **Núi Vọng Phu**: núi đá hình dáng giống người đàn bà bồng con, có ở Lạng Sơn, Thanh Hoá, Nghệ An, Bình Định, Đắk Lắk, ... nhắc sự tích người đàn bà bồng con ngóng chồng đến hoá đá.

- **Ngọc Mị Nương**: theo tích ngọc trai giếng nước trong truyền thuyết Mị Châu - Trọng Thủy, ý nói đến chết vẫn giữ lòng trong sáng.

- **Cổ Ngu mĩ**: điển tích về nàng Ngu Cơ, vợ Hạng Vũ. (Khi Hạng Vũ thua trận, thế cùng, chạy đến Cai Hạ, Ngu Cơ rút gươm tự vẫn; tục truyền hồn nàng nhập vào cỏ bên bờ sông Ô thành cỏ Ngu mĩ nhân, thứ cỏ này khi thấy người ta xướng lên khúc Ngu mĩ nhân, kể chuyện Hạng Vũ - Ngu Cơ thì cành lá đều rung rinh, có vẻ như cảm động.)

- **Tào Nga**: tương truyền vào thời Đông Hán (Trung Quốc), Tào Nga khi ấy 14 tuổi, cha bị chết đuối, khóc thương thảm thiết, sau nàng gieo mình xuống sông, ít ngày sau, người ta thấy thi thể nàng ôm xác cha nổi lên.

- **Tinh Vệ**: con gái vua Viêm Đế, khi chết đuối hoa thành chim Tinh Vệ ngậm đá toan lấp biển; hai điển tích được dùng để nói: Vũ Nương chết vì bị nghi oan, khác cái chết của hai người con gái nói trên, Phan Lang dùng điển tích này có ý khuyên nàng nghĩ đến quê hương, gia đình, chồng con.

- **Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam**: đất Hồ ở phương bắc lắm ngựa quý, đất Việt ở phương nam lắm chim lạ, ngựa và chim ấy đưa vào Trung Quốc vẫn nhớ nước cũ; mỗi khi thấy gió bắc, dù ở đâu, ngựa Hồ vẫn hí lên; chim Việt luôn nhớ khí hậu ấm áp ở phương nam nên thường tìm cành cây phía nam để đậu. (Nàng Vũ Nương dùng điển tích này để nói nỗi lòng nhớ nhà, nhớ quê của mình.)

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: Qua phần đọc hiểu tri thức ngữ văn ở nhà và thực hành tiếng Việt bài tập 1, 2. Em hiểu thế nào điển tích, điển cố? Điển tích, điển cố tồn tại như thế nào trong văn bản? Dùng điển tích, điển cố có tác dụng gì? Muốn hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố khi đọc văn bản, cần phải làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để nhớ lại kiến thức đã tìm hiểu và thực hành tiếng Việt thông qua 2 bài tập (thời gian từ

c. Tác dụng của từng cụm từ in đậm trong câu:

- Điển tích núi Vọng Phu thể hiện tình yêu sâu nặng, lòng chung thủy sắt son. Trong lời khẩn trước khi nhảy xuống sông trầm mình, Vũ Nương nhắc điển tích này để thể hiện sự xót xa của mình: đến cả cái tình cảnh đáng thương của nàng Vọng Phu, Vũ Nương cũng không thể có được.

- Hai điển tích ngọc Mị Nương, cỏ Ngu mỹ đều nói đến những điều linh thiêng, kì lạ của người đàn bà sau khi chết (chết mà vẫn tỏ được sự trong trắng, thủy chung). Nhắc đến hai điển tích này trong lời khẩn trước khi tự tử, Vũ Nương muốn sau khi mình ra đi, người đời không hoài nghi về phẩm giá của mình.

- Phan Lang nhắc đến điển tích về Tào Nga và Tinh Vệ – những người con gái có cái chết hoàn toàn không giống với việc lựa chọn cách trầm mình vì oan khuất của Vũ Nương. Theo Phan Lang, cách hành xử của Vũ Nương cũng phải khác: nên tìm đường trở về quê nhà với người xưa.

- Vũ Nương dùng điển tích ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam để nói rằng tuy được sống với các nàng tiên nơi cung nước, nhưng nỗi nhớ nhà, nhớ quê luôn canh cánh trong lòng.

II. Nhận biết điển tích, điển cố và tác dụng của điển tích, điển cố

→ Điển tích, điển cố là: Câu chuyện, sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác

<p>5 -> 6 phút). GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề, làm theo mẫu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 vài HS lên trả lời câu hỏi và có thể lấy ví dụ minh họa.</p> <p>GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung kiến thức của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. (HS có thể tự chọn lọc nội dung để ghi vào vở viết bài). GV có thể tuyên dương tinh thần xung phong của HS.</p>	<p>giả đời sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuy điển tích, điển cố xuất hiện ở VB chỉ là từ ngữ, nhưng nó gợi lên một câu chuyện, sự việc, câu kinh, câu thơ nào đó. - Dùng điển tích, điển cố có tác dụng làm cho câu thơ, câu văn hàm súc, trang nhã, uyên bác; đối với văn nghị luận, sẽ giúp người viết củng cố lí lẽ, tăng tính thuyết phục. - Điển tích, điển cố thường khó hiểu đối với người đọc ngày nay, vì thế, cần tra cứu mỗi khi gặp điển tích, điển cố mà mình chưa hiểu. <p>→ Ví dụ: Phụ lục SGK tr 17</p>
---	--

3. Hoạt động 3. Luyện tập

- a. Mục tiêu:** HS xác định được các dấu hiệu nhận biết của điển tích, điển cố đúng hoàn cảnh giao tiếp.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, làm việc cặp đôi chia sẻ, huy động kiến thức nền để áp dụng vào thực tiễn.
- c. Sản phẩm học tập:** Bài làm vận dụng của học sinh để đánh giá hoạt động học thông qua bảng nhận xét làm việc nhóm hoặc cá nhân.
- d. Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Em hãy sưu tầm ba ngữ liệu (ngoài các ngữ liệu trong SGK) có sử dụng điển tích, điển cố và giải thích ý nghĩa của các điển tích, điển cố đó.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc theo cặp đôi, làm việc cá nhân. GV sử dụng phương pháp gợi mở, nêu vấn đề. Hỗ trợ cho HS khi cần được trợ giúp.</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV cho HS tinh thần xung phong, gọi 1 vài HS lên trình bày yêu cầu bài tập.</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>Gợi ý: HS có thể tìm trong văn học trung đại Việt Nam như: Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm.</p> <p>Ví dụ: Điển cố trong Truyện Kiều</p> <p align="center"><i>“Xót người tựa cửa hôm mai Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ? Sân Lai cách mấy nắng mưa Có khi gốc tử đã vừa người ôm”.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong trích đoạn này, đại thi hào Nguyễn Du đã sử dụng khá nhiều điển cố, điển tích Trung Quốc như: “tựa cửa hôm mai”, “quạt nồng ấp lạnh”, “sân Lai”, “gốc tử” ... + Tích “quạt nồng ấp lạnh” bắt nguồn từ trong sách “Nhị thập tứ hiếu” của Quách Cự Nghiệp đời nhà Nguyên. Đời Hậu Hán có một đứa trẻ 9 tuổi tên là Hoàng Hương. Mẹ mất sớm, Hoàng Hương ở với

<p>GV cho HS khác nhận xét, bổ sung nội dung của bạn.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu. GV phát phiếu cho HS tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm tất cả các hoạt động trong bài học. (<i>Đánh giá, nhận xét lưu trong hồ sơ học tập</i>)</p>	<p>cha; cậu bé luôn hết mực hiếu thảo, phụng dưỡng cha. Vào mùa hạ, cậu thường xuyên quạt màn chiếu, chăn đệm cho thoáng mát trước khi cha ngủ. Vào mùa đông, trước giờ ngủ, cậu lại nằm lên giường cha lăn qua trở lại rất lâu để chăn chiếu ấm hơi người để cha được ngon giấc.</p> <p>+ Tích “Sân Lai” cũng xuất phát từ trong “Nhị thập tứ hiếu” về ông Lai Tử người nước Sở thời Đông Chu liệt quốc, bảy mươi tuổi nhưng cha mẹ già vẫn còn sống. Ông thường mặc áo ngũ sắc sặc sỡ, giả làm trẻ nhỏ, nhảy múa đùa giỡn để chọc cho cha mẹ vui. Có khi ông làm bộ vấp bậc thềm, té lăn ra đất rồi giả tiếng khóc trẻ con để cha mẹ cười.</p> <p>→ Qua các điển cố kể trên, thể hiện sự thương nhớ, lo lắng, đau xót cho cha mẹ cũng như tấm lòng hiếu thảo của Thúc Kiền. Đồng thời, khiến lời thơ trở nên trang trọng, thiêng liêng hơn, ca ngợi tình cảm hiếu nghĩa hiếm có của nàng Kiền chẳng thua kém gì các tấm gương chí hiếu thời xưa.</p>
---	--

4. Hoạt động 4. Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Viết được đoạn văn có sử dụng điển tích, điển cố đúng ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.
- b. **Nội dung:** HS làm việc cá nhân. Phương pháp gợi mở, thuyết trình
- c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm luyện tập để đánh giá hoạt động học của học sinh.
- d. **Tổ chức thực hiện**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV: Hãy viết đoạn văn (khoảng 7 → 9 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 1 từ ngữ hoặc cụm từ là điển tích, điển cố trở lên và chỉ ra được điển tích, điển cố đó trong đoạn văn.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS làm việc cá nhân, làm vào vở ghi. GV theo dõi quá trình làm bài của học sinh, bao quát lớp, hỗ trợ những HS khó khăn trong học tập, chưa mạnh dạn...</p> <p>Bước 3: Báo cáo thảo luận</p> <p>GV gọi 1 → 2 HS trình bày đoạn văn và xác định được các điển tích, điển cố đã sử dụng trong đoạn</p>	<p>IV. Vận dụng</p> <p>→ HS có kĩ năng sử dụng các điển tích, điển cố đúng đối tượng, đúng</p>

văn đó. GV gọi 1 vài HS nhận xét, bổ sung nội dung cho bạn. Bước 4: Kết luận, đánh giá GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức nội dung yêu cầu.	ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp. - HS viết đoạn văn đúng yêu cầu và chỉ ra được các từ ngữ, cụm từ chỉ diễn tích, diễn cố đúng đối tượng, đúng ngữ cảnh và hoàn cảnh giao tiếp.
---	--

Phiếu tự nhận xét tinh thần, thái độ làm việc nhóm	
Họ tên.....Lớp 9:.....	
Tên bài học.....	
Ngày nhận xét.....	
Mức độ	Nhận xét điều đã làm được và chưa làm được
Tự giác	
Tích cực	
Trung thực	
Trách nhiệm	
Hiếu bài	

(GV phát phiếu cho học sinh tự đánh giá, lưu hồ sơ học tập).

Dặn học sinh học bài ở nhà: Xem lại bài đã học và soạn bài: **Đế chọi** (Bồ Tùng Linh)

Giáo viên



Hoàng Văn Toán